

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận học sinh đạt giải
tại kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện lớp 9 năm học 2023-2024**

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN YÊN THÀNH

Căn cứ Thông tư liên tịch số 12/2020/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 22/5/2020 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở GD&ĐT thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng GD&ĐT thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Quy định thi chọn học sinh giỏi ban hành kèm theo Quyết định số 1068/QĐ-SGD&ĐT-KT&KĐCLGD ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An; Quyết định số 1119/QĐ-SGD&ĐT ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định thi chọn học sinh giỏi ban hành kèm theo Quyết định số 1068/QĐ-SGD&ĐT;

Căn cứ kết quả thi chọn học sinh giỏi huyện lớp 9 năm học 2023-2024;

Xét đề nghị của chuyên môn THCS phòng GD&ĐT,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận, cấp giấy chứng nhận cho 616 học sinh giỏi cấp huyện lớp 9 năm học 2023-2024. Trong đó có 24 giải nhất, 148 giải nhì, 195 giải ba, 249 giải khuyến khích (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các bộ có phận liên quan ở Phòng GD&ĐT, Hiệu trưởng các trường THCS, TH&THCS, PTCS và các học sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Theo Điều 2;
- LĐ, CV phòng;
- Lưu: VP.

TRƯỞNG PHÒNG

Trần Xuân Tĩnh

DANH SÁCH HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN LỚP 9 NĂM HỌC 2023-2024
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-PGDĐT ngày /11/2023)

TT	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Môn thi	Giải
1.	NGUYỄN ĐÌNH MẠNH	05/03/2009	9A	PTCS Khánh Thành	Ngữ văn 9	Nhì
2.	NGUYỄN XUÂN THÀNH AN	01/12/2009	9A	PTCS Khánh Thành	Toán 9	Nhì
3.	NGUYỄN THỊ LUYẾN	25/05/2009	9A	PTCS Khánh Thành	GDCD 9	Ba
4.	TRẦN THỊ THANH MAI	19/03/2009	9A	PTCS Khánh Thành	GDCD 9	Ba
5.	PHẠM TIẾN LỘC	30/03/2009	9A	PTCS Khánh Thành	Hóa học 9	Ba
6.	PHẠM THỊ THANH VÂN	07/11/2009	9A	PTCS Khánh Thành	Lịch sử 9	Ba
7.	PHAN THỊ HẰNG	13/12/2009	9A	PTCS Khánh Thành	Ngữ văn 9	Ba
8.	PHAN THỊ LAN	23/03/2009	9A	PTCS Khánh Thành	GDCD 9	Khuyến khích
9.	PHAN THỊ AN	01/04/2009	9A	PTCS Khánh Thành	Hóa học 9	Khuyến khích
10.	NGUYỄN THỊ THẢO	07/04/2009	9A	PTCS Khánh Thành	Lịch sử 9	Khuyến khích
11.	NGUYỄN VĂN PHÚC	09/05/2009	9A	PTCS Khánh Thành	Tiếng Anh 9	Khuyến khích
12.	PHAN BÁ THỊNH	06/05/2009	9A	PTCS Khánh Thành	Toán 9	Khuyến khích
13.	PHAN ĐÌNH BẢO DUY	05/02/2009	9A	PTCS Khánh Thành	Toán 9	Khuyến khích
14.	NGUYỄN QUỲNH CHI	07/10/2009	9A	TH&THCS Bắc Thành	Ngữ văn 9	Nhì
15.	TRẦN THỊ LINH TÂM	11/10/2009	9A	TH&THCS Bắc Thành	Hóa học 9	Ba
16.	NGUYỄN PHƯỚC KHANG	10/01/2009	9A	TH&THCS Bắc Thành	Hóa học 9	Ba
17.	ĐẶNG MINH DIỆP	31/12/2009	9A	TH&THCS Bắc Thành	Sinh học 9	Ba
18.	NGUYỄN THỊ ÁNH DƯƠNG	08/06/2009	9A	TH&THCS Bắc Thành	GDCD 9	Khuyến khích
19.	HOÀNG NGỌC ÁNH	27/02/2009	9A	TH&THCS Bắc Thành	Ngữ văn 9	Khuyến khích
20.	TRẦN BẢO KHÁNH	19/09/2009	9A	TH&THCS Bắc Thành	Toán 9	Khuyến khích
21.	TRẦN THỊ LINH TÂM	11/10/2009	9A	TH&THCS Bắc Thành	Toán 9	Khuyến khích
22.	PHAN ANH DUY	10/09/2009	9A	TH&THCS Hậu Thành	Toán 9	Nhì
23.	NGUYỄN LÊ HOÀI THƯƠNG	13/07/2009	9A	TH&THCS Hậu Thành	Tiếng Anh 9	Ba
24.	HÀ TUẤN DŨNG	03/02/2009	9A	TH&THCS Hậu Thành	Toán 9	Ba
25.	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	17/09/2009	9A	TH&THCS Hậu Thành	Hóa học 9	Khuyến khích
26.	LÊ THANH HÀ	24/02/2009	9A	TH&THCS Hậu Thành	Lịch sử 9	Khuyến khích
27.	TRẦN THỊ THU HÀ	03/11/2009	9A	TH&THCS Hậu Thành	Ngữ văn 9	Khuyến khích
28.	PHAN HÀ VY	28/07/2009	9A	TH&THCS Hậu Thành	Sinh học 9	Khuyến khích
29.	VŨ QUỲNH NHƯ	14/07/2009	9A	TH&THCS Hậu Thành	Tiếng Anh 9	Khuyến khích
30.	HUỲNH TRẦN TRÀ MY	04/06/2009	9A	TH&THCS Hậu Thành	Tiếng Anh 9	Khuyến khích
31.	PHAN NGỌC DIỄM	12/08/2009	9A	TH&THCS Hợp Thành	GDCD 9	Nhì
32.	LÊ THI VỊ	23/08/2009	9A	TH&THCS Hợp Thành	GDCD 9	Nhì
33.	NGUYỄN TIỀN TRỊNH	05/10/2009	9A	TH&THCS Hợp Thành	Hóa học 9	Nhì
34.	ĐUỜNG THÚY UYÊN	08/01/2009	9A	TH&THCS Hợp Thành	GDCD 9	Ba
35.	TRƯƠNG CÔNG MẠNH	26/10/2009	9A	TH&THCS Hợp Thành	Hóa học 9	Ba
36.	PHAN VIỆT CƯỜNG	14/01/2009	9A	TH&THCS Hợp Thành	Toán 9	Ba
37.	NGUYỄN THỊ HIỀN LƯƠNG	23/11/2009	9A	TH&THCS Hợp Thành	Địa lý 9	Khuyến khích
38.	PHẠM THỊ HẢI YẾN	08/12/2009	9A	TH&THCS Hợp Thành	Địa lý 9	Khuyến khích
39.	NGUYỄN PHỤNG THIÊN	17/02/2009	9A	TH&THCS Hợp Thành	Sinh học 9	Khuyến khích
40.	PHẠM NGUYỄN THÀNH AN	23/08/2009	9A	TH&THCS Hợp Thành	Sinh học 9	Khuyến khích
41.	NGUYỄN THỊ ÁI LINH	07/09/2009	9A	TH&THCS Hợp Thành	Tiếng Anh 9	Khuyến khích
42.	NGUYỄN ĐỨC VĂN	01/06/2009	9A	TH&THCS Trung Thành	Hóa học 9	Nhì

TT	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Môn thi	Giải
43.	TRẦN THỊ THÚY	15/12/2009	9A	TH&THCS Trung Thành	Ngữ văn 9	Nhì
44.	VŨ THỊ KIM ANH	27/09/2009	9A	TH&THCS Trung Thành	Sinh học 9	Nhì
45.	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	23/11/2009	9A	TH&THCS Trung Thành	Lịch sử 9	Ba
46.	NGUYỄN THỊ VÂN KHÁNH	11/08/2009	9A	TH&THCS Trung Thành	Sinh học 9	Ba
47.	NGUYỄN THỊ HUỆ	29/09/2009	9A	TH&THCS Trung Thành	Tiếng Anh 9	Ba
48.	NGUYỄN ĐỨC VÂN	01/06/2009	9A	TH&THCS Trung Thành	Toán 9	Ba
49.	NGUYỄN ĐỨC BẢO	31/01/2009	9A	TH&THCS Trung Thành	Vật lý 9	Ba
50.	VŨ THỊ THẨM	12/10/2009	9A	TH&THCS Trung Thành	Địa lý 9	Khuyến khích
51.	PHAN NGỌC ÁNH	23/11/2009	9A	TH&THCS Trung Thành	GDCD 9	Khuyến khích
52.	TRẦN THƯỢNG QUANG HUY	10/08/2009	9A	TH&THCS Trung Thành	Hóa học 9	Khuyến khích
53.	CAO THỊ QUỲNH	22/01/2009	9A	TH&THCS Trung Thành	Ngữ văn 9	Khuyến khích
54.	NGUYỄN ĐỨC BẢO	31/01/2009	9A	TH&THCS Trung Thành	Toán 9	Khuyến khích
55.	NGUYỄN DUY NGỌC HÙNG	07/06/2009	9A	TH&THCS Trung Thành	Tin học 9	Khuyến khích
56.	NGUYỄN DUY TIỀN	02/01/2009	9B	TH&THCS Trung Thành	Tin học 9	Khuyến khích
57.	HOÀNG THU TRANG	13/05/2009	9C	THCS Bạch Liêu	Địa lý 9	Nhất
58.	HOÀNG PHAN THẢO ĐAN	30/01/2009	9C	THCS Bạch Liêu	Địa lý 9	Nhất
59.	TRẦN KHÁNH LINH	01/07/2009	9C	THCS Bạch Liêu	GDCD 9	Nhất
60.	NGUYỄN LÊ CẨM TÚ	02/12/2009	9C	THCS Bạch Liêu	GDCD 9	Nhất
61.	TRƯƠNG THÁI BẢO	26/12/2009	9D	THCS Bạch Liêu	Hóa học 9	Nhất
62.	ĐẶNG VŨ KHÁNH HUYỀN	26/09/2009	9A	THCS Bạch Liêu	Hóa học 9	Nhất
63.	NGUYỄN MẠNH DŨNG	07/01/2009	9A	THCS Bạch Liêu	Hóa học 9	Nhất
64.	NGUYỄN NGỌC NGUYỄN KHANG	26/11/2009	9C	THCS Bạch Liêu	Lịch sử 9	Nhất
65.	TRẦN HOÀNG KHÁNH THO	30/04/2009	9C	THCS Bạch Liêu	Ngữ văn 9	Nhất
66.	ĐẶNG HÀ MY	09/01/2009	9B	THCS Bạch Liêu	Sinh học 9	Nhất
67.	HỒ KHÁNH LINH	01/01/2009	9D	THCS Bạch Liêu	Sinh học 9	Nhất
68.	PHẠM VIỆT PHƯƠNG	24/10/2009	9B	THCS Bạch Liêu	Tiếng Anh 9	Nhất
69.	HỒ THỊ HƯƠNG THẢO	11/07/2009	9B	THCS Bạch Liêu	Tiếng Anh 9	Nhất
70.	LƯU TRIỆU VỸ	24/06/2009	9A	THCS Bạch Liêu	Toán 9	Nhất
71.	ĐOÀN ĐỨC PHÁT	18/08/2009	9A	THCS Bạch Liêu	Toán 9	Nhất
72.	LÃNG MINH HÙNG	02/08/2009	9A	THCS Bạch Liêu	Toán 9	Nhất
73.	HOÀNG THỊ KIM CHI	02/12/2009	9A	THCS Bạch Liêu	Vật lý 9	Nhất
74.	NGUYỄN THỊ VÂN KHÁNH	29/03/2009	9A	THCS Bạch Liêu	Vật lý 9	Nhất
75.	HOÀNG YẾN NHI	10/04/2009	9C	THCS Bạch Liêu	Địa lý 9	Nhì
76.	PHẠM THỊ NGỌC HÀ	03/04/2009	9C	THCS Bạch Liêu	Địa lý 9	Nhì
77.	NGUYỄN ĐỨC NHẬT	22/06/2009	9A	THCS Bạch Liêu	Hóa học 9	Nhì
78.	DOÃN TUẤN DŨNG	26/04/2009	9A	THCS Bạch Liêu	Hóa học 9	Nhì
79.	NGUYỄN VĂN THẮNG	05/10/2009	9A	THCS Bạch Liêu	Hóa học 9	Nhì
80.	NGUYỄN KHÁNH VY	22/04/2009	9D	THCS Bạch Liêu	Hóa học 9	Nhì
81.	PHAN MẠNH QUYẾT	19/01/2009	9A	THCS Bạch Liêu	Hóa học 9	Nhì
82.	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	17/02/2009	9A	THCS Bạch Liêu	Hóa học 9	Nhì
83.	HOÀNG ĐỨC TUẤN	20/05/2009	9A	THCS Bạch Liêu	Hóa học 9	Nhì
84.	TRƯƠNG KHÁNH LINH	19/09/2009	9C	THCS Bạch Liêu	Lịch sử 9	Nhì
85.	LÊ HOÀNG LINH	07/11/2009	9D	THCS Bạch Liêu	Lịch sử 9	Nhì
86.	NGUYỄN QUỲNH TRANG	15/05/2009	9C	THCS Bạch Liêu	Lịch sử 9	Nhì
87.	PHAN THỊ LAN TRANG	24/12/2009	9C	THCS Bạch Liêu	Lịch sử 9	Nhì

TT	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Môn thi	Giải
88.	PHẠM ĐẶNG MINH THƯ	07/08/2009	9D	THCS Bạch Liêu	Lịch sử 9	Nhì
89.	NGUYỄN THỊ LINH ĐAN	19/06/2009	9C	THCS Bạch Liêu	Lịch sử 9	Nhì
90.	PHAN HOÀNG TRÂM ANH	17/12/2009	9D	THCS Bạch Liêu	Lịch sử 9	Nhì
91.	NGUYỄN ANH THƠ	09/02/2009	9B	THCS Bạch Liêu	Ngữ văn 9	Nhì
92.	NGUYỄN THỊ TOÀN	29/12/2009	9B	THCS Bạch Liêu	Ngữ văn 9	Nhì
93.	ĐẶNG THỊ VĂN ANH	08/09/2009	9C	THCS Bạch Liêu	Ngữ văn 9	Nhì
94.	VŨ THÚY HẰNG	27/01/2009	9C	THCS Bạch Liêu	Ngữ văn 9	Nhì
95.	PHAN NGUYỄN MINH KHUÊ	22/08/2009	9B	THCS Bạch Liêu	Ngữ văn 9	Nhì
96.	NGUYỄN BẢO NGỌC	07/04/2009	9C	THCS Bạch Liêu	Ngữ văn 9	Nhì
97.	PHAN PHƯƠNG ANH	02/12/2009	9B	THCS Bạch Liêu	Sinh học 9	Nhì
98.	PHẠM HOÀI ĐAN	27/07/2009	9B	THCS Bạch Liêu	Sinh học 9	Nhì
99.	NGÔ THU TRANG	07/03/2009	9B	THCS Bạch Liêu	Tiếng Anh 9	Nhì
100.	NGUYỄN KIỆU THANH	08/03/2009	9B	THCS Bạch Liêu	Tiếng Anh 9	Nhì
101.	ĐẶNG TRẦN MINH CHÂU	16/11/2009	9B	THCS Bạch Liêu	Tiếng Anh 9	Nhì
102.	NGUYỄN HẢI YẾN	31/07/2009	9B	THCS Bạch Liêu	Tiếng Anh 9	Nhì
103.	BÙI PHAN HÀ ANH	06/08/2009	9B	THCS Bạch Liêu	Tiếng Anh 9	Nhì
104.	PHAN THỰC QUYÊN	02/12/2009	9B	THCS Bạch Liêu	Tiếng Anh 9	Nhì
105.	TRẦN TUỆ MINH	05/09/2009	9B	THCS Bạch Liêu	Tiếng Anh 9	Nhì
106.	ĐẶNG HÀ PHƯƠNG	30/01/2009	9B	THCS Bạch Liêu	Tiếng Anh 9	Nhì
107.	NGUYỄN AN PHÚ	21/05/2009	9B	THCS Bạch Liêu	Tiếng Anh 9	Nhì
108.	NGUYỄN ANH THƠ	09/02/2009	9B	THCS Bạch Liêu	Tiếng Anh 9	Nhì
109.	VŨ PHƯƠNG ANH	25/09/2009	9A	THCS Bạch Liêu	Toán 9	Nhì
110.	DOÃN TUẤN ĐẠT	25/08/2009	9D	THCS Bạch Liêu	Toán 9	Nhì
111.	NGUYỄN QUỐC ĐOÀN	20/08/2009	9A	THCS Bạch Liêu	Toán 9	Nhì
112.	NGUYỄN TIẾN DŨNG	03/03/2009	9A	THCS Bạch Liêu	Toán 9	Nhì
113.	NGUYỄN CÔNG QUÂN	18/01/2009	9A	THCS Bạch Liêu	Toán 9	Nhì
114.	NGUYỄN VĂN TIẾN	29/01/2009	9A	THCS Bạch Liêu	Toán 9	Nhì
115.	NGUYỄN NHUẬN HIẾU	13/10/2009	9A	THCS Bạch Liêu	Toán 9	Nhì
116.	LÊ TÀI TUỆ	19/05/2009	9A	THCS Bạch Liêu	Toán 9	Nhì
117.	NGUYỄN VĂN KHOA	09/04/2009	9A	THCS Bạch Liêu	Vật lý 9	Nhì
118.	HUỲNH ANH THƯ	05/08/2009	9A	THCS Bạch Liêu	Vật lý 9	Nhì
119.	HOÀNG VĂN SANG	20/11/2009	9A	THCS Bạch Liêu	Vật lý 9	Nhì
120.	TRẦN ĐỨC TÀI	28/01/2009	9A	THCS Bạch Liêu	Vật lý 9	Nhì
121.	PHAN THANH BÌNH	20/12/2009	9A	THCS Bạch Liêu	Vật lý 9	Nhì
122.	PHAN THÀNH TRUNG	01/11/2009	9A	THCS Bạch Liêu	Vật lý 9	Nhì
123.	NGUYỄN TRỌNG CÔNG MINH	19/05/2009	9A	THCS Bạch Liêu	Vật lý 9	Nhì
124.	VŨ HỒNG PHÚC	23/12/2009	9A	THCS Bạch Liêu	Vật lý 9	Nhì
125.	NGÔ PHAN TUẤN TÚ	04/10/2009	9D	THCS Bạch Liêu	Vật lý 9	Nhì
126.	TRẦN HOÀNG KHÁNH THƠ	30/04/2009	9C	THCS Bạch Liêu	Địa lý 9	Ba
127.	TRẦN HIỀN NHI	07/08/2009	9C	THCS Bạch Liêu	GD&CD 9	Ba
128.	HOÀNG TÂM ĐAN	28/12/2009	9C	THCS Bạch Liêu	GD&CD 9	Ba
129.	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	16/02/2009	9D	THCS Bạch Liêu	Hóa học 9	Ba
130.	LÊ NGỌC TRÂM ANH	28/05/2009	9A	THCS Bạch Liêu	Hóa học 9	Ba
131.	ĐẶNG TUẤN DƯƠNG	18/07/2009	9D	THCS Bạch Liêu	Hóa học 9	Ba
132.	NGUYỄN BÁ VĂN CAO	03/02/2009	9D	THCS Bạch Liêu	Hóa học 9	Ba
133.	LƯU DUY HÙNG	10/10/2009	9D	THCS Bạch Liêu	Hóa học 9	Ba
134.	ĐỒNG TIẾN DŨNG	15/07/2009	9A	THCS Bạch Liêu	Hóa học 9	Ba

TT	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Môn thi	Giải
135.	NGUYỄN ĐỨC NHÂN	24/05/2009	9C	THCS Bạch Liêu	Lịch sử 9	Ba
136.	NGUYỄN NHẬT ÁNH	26/10/2009	9C	THCS Bạch Liêu	Ngữ văn 9	Ba
137.	NGÔ THỊ ÁNH NGỌC	08/12/2009	9C	THCS Bạch Liêu	Ngữ văn 9	Ba
138.	NGUYỄN THỊ LINH CHI	22/10/2009	9B	THCS Bạch Liêu	Ngữ văn 9	Ba
139.	NGUYỄN QUỲNH ANH	07/10/2009	9B	THCS Bạch Liêu	Ngữ văn 9	Ba
140.	PHAN THỊ THỦY TIÊN	24/02/2009	9C	THCS Bạch Liêu	Ngữ văn 9	Ba
141.	NGUYỄN THỊ CẨM VÂN	07/07/2009	9B	THCS Bạch Liêu	Tiếng Anh 9	Ba
142.	PHAN NHẬT TIẾN	29/09/2009	9B	THCS Bạch Liêu	Tiếng Anh 9	Ba
143.	PHAN TRIỆU GIA NHƯ	23/08/2009	9B	THCS Bạch Liêu	Tiếng Anh 9	Ba
144.	PHẠM TRÂM ANH	18/09/2009	9B	THCS Bạch Liêu	Tiếng Anh 9	Ba
145.	ĐOÀN KHÁNH NHƯ	05/12/2009	9B	THCS Bạch Liêu	Tiếng Anh 9	Ba
146.	TRẦN NGỌC LINH	10/01/2009	9B	THCS Bạch Liêu	Tiếng Anh 9	Ba
147.	NGUYỄN HOÀNG HẢI	13/10/2009	9A	THCS Bạch Liêu	Toán 9	Ba
148.	NGUYỄN THỊ QUỲNH CHI	07/11/2009	9A	THCS Bạch Liêu	Toán 9	Ba
149.	DƯƠNG GIA KIẾT	20/02/2009	9A	THCS Bạch Liêu	Toán 9	Ba
150.	BÙI QUANG MINH	14/12/2009	9A	THCS Bạch Liêu	Vật lý 9	Ba
151.	LÊ XUÂN THIẾT	30/08/2009	9A	THCS Bạch Liêu	Vật lý 9	Ba
152.	HOÀNG THU HUYỀN	09/11/2009	9C	THCS Bạch Liêu	GDCD 9	Khuyến khích
153.	NGUYỄN HÀ LINH	28/12/2009	9C	THCS Bạch Liêu	GDCD 9	Khuyến khích
154.	HOÀNG THỊ HẰNG	18/10/2009	9C	THCS Bạch Liêu	GDCD 9	Khuyến khích
155.	PHAN LÊ CÔNG	13/09/2009	9D	THCS Bạch Liêu	Hóa học 9	Khuyến khích
156.	NGUYỄN ĐĂNG NGỌC AN	07/05/2009	9D	THCS Bạch Liêu	Hóa học 9	Khuyến khích
157.	NGÔ PHÚC KHÁNH	23/03/2009	9D	THCS Bạch Liêu	Hóa học 9	Khuyến khích
158.	VŨ QUANG MINH	24/10/2009	9D	THCS Bạch Liêu	Sinh học 9	Khuyến khích
159.	LÊ HỒNG QUÂN	22/08/2009	9B	THCS Bạch Liêu	Sinh học 9	Khuyến khích
160.	VÕ THỊ THÚY HẠNH	22/02/2009	9B	THCS Bạch Liêu	Tiếng Anh 9	Khuyến khích
161.	NGUYỄN THỊ TRÂM ANH	17/11/2009	9B	THCS Bạch Liêu	Tiếng Anh 9	Khuyến khích
162.	NGÔ ĐỨC QUÝ	14/01/2009	9D	THCS Bạch Liêu	Toán 9	Khuyến khích
163.	ĐẶNG DUY TRƯỜNG SƠN	12/12/2009	9D	THCS Bạch Liêu	Vật lý 9	Khuyến khích
164.	NGUYỄN THỊ MỸ HOÀI	15/06/2009	9C	THCS Bảo Thành	GDCD 9	Nhì
165.	NGUYỄN THẢO VY	09/04/2009	9C	THCS Bảo Thành	GDCD 9	Nhì
166.	PHẠM THỊ HỒ NGỌC HÀ	11/08/2009	9C	THCS Bảo Thành	GDCD 9	Ba
167.	NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	03/10/2009	9B	THCS Bảo Thành	GDCD 9	Ba
168.	HOÀNG THỊ QUỲNH NGA	07/08/2009	9C	THCS Bảo Thành	GDCD 9	Ba
169.	NGUYỄN THỊ AN QUỲNH	02/01/2009	9C	THCS Bảo Thành	GDCD 9	Ba
170.	NGÔ THỊ LINH	03/05/2009	9C	THCS Bảo Thành	Lịch sử 9	Ba
171.	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	11/01/2009	9C	THCS Bảo Thành	Sinh học 9	Ba
172.	NGUYỄN THỊ LY	06/09/2009	9C	THCS Bảo Thành	GDCD 9	Khuyến khích
173.	NGUYỄN THỊ HOÀI LAM	27/07/2009	9A	THCS Bảo Thành	Lịch sử 9	Khuyến khích
174.	DƯƠNG THỊ QUỲNH TRANG	22/11/2009	9C	THCS Bảo Thành	Ngữ văn 9	Khuyến khích
175.	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	09/11/2009	9C	THCS Bảo Thành	Ngữ văn 9	Khuyến khích
176.	TRẦN TRÀ MY	19/05/2009	9C	THCS Bảo Thành	Toán 9	Khuyến khích
177.	ĐẶNG THỊ TRÚC	20/01/2009	9D	THCS Công Thành	Địa lý 9	Nhì
178.	NGUYỄN VÕ DIỆU XUÂN	19/01/2009	9D	THCS Công Thành	Địa lý 9	Nhì
179.	TRẦN THỊ NGỌC	18/07/2009	9A	THCS Công Thành	Địa lý 9	Nhì
180.	PHẠM THỊ KHÁNH PHƯƠNG	17/12/2009	9D	THCS Công Thành	Địa lý 9	Nhì

TT	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Môn thi	Giải
181.	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	23/03/2009	9D	THCS Công Thành	Địa lý 9	Nhì
182.	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	16/01/2009	9D	THCS Công Thành	Ngữ văn 9	Nhì
183.	PHẠM QUỲNH ANH	02/05/2009	9D	THCS Công Thành	Toán 9	Nhì
184.	PHẠM THỊ KIM NGÂN	17/09/2009	9D	THCS Công Thành	Toán 9	Nhì
185.	ĐẶNG DIỄM HẰNG	08/03/2009	9D	THCS Công Thành	Địa lý 9	Ba
186.	ĐẶNG THỊ LINH	16/03/2009	9E	THCS Công Thành	Lịch sử 9	Ba
187.	BÙI THỊ CẨM LY	07/03/2009	9D	THCS Công Thành	Lịch sử 9	Ba
188.	NGUYỄN THỊ MAI	20/03/2009	9D	THCS Công Thành	Ngữ văn 9	Ba
189.	PHẠM THỊ THU HƯỜNG	06/09/2009	9D	THCS Công Thành	Ngữ văn 9	Ba
190.	TRẦN HOÀNG HIỆP HIỆP	26/07/2009	9D	THCS Công Thành	Sinh học 9	Ba
191.	HỒ THỊ THƯƠNG	31/01/2009	9D	THCS Công Thành	Toán 9	Ba
192.	NGUYỄN THỊ TÂM	05/02/2009	9E	THCS Công Thành	GDCD 9	Khuyến khích
193.	NGUYỄN ĐÌNH HIỀN	13/12/2009	9D	THCS Công Thành	Hóa học 9	Khuyến khích
194.	NGUYỄN LÊ THỊ SƯƠNG	04/12/2009	9D	THCS Công Thành	Lịch sử 9	Khuyến khích
195.	ĐẶNG THỊ NGỌC LÀNH	31/05/2009	9D	THCS Công Thành	Ngữ văn 9	Khuyến khích
196.	NGUYỄN ĐÌNH HIỀN	13/12/2009	9D	THCS Công Thành	Toán 9	Khuyến khích
197.	PHAN THỊ YẾN	01/03/2009	9C	THCS Đại Minh	GDCD 9	Nhì
198.	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	30/12/2009	9C	THCS Đại Minh	Lịch sử 9	Nhì
199.	NGUYỄN THỊ LIÊN	30/01/2009	9C	THCS Đại Minh	Ngữ văn 9	Nhì
200.	TRƯƠNG THỊ HÀ	30/04/2009	9C	THCS Đại Minh	Sinh học 9	Nhì
201.	PHAN THỊ TRÀ MY	05/12/2009	9C	THCS Đại Minh	Vật lý 9	Nhì
202.	NGUYỄN NHẬT LINH	06/02/2009	9C	THCS Đại Minh	GDCD 9	Ba
203.	PHAN VĂN PHƯỚC	14/04/2009	9C	THCS Đại Minh	Hóa học 9	Ba
204.	PHAN THỊ TRÀ MY	06/06/2009	9C	THCS Đại Minh	Lịch sử 9	Ba
205.	NGUYỄN BẢO MINH	22/01/2009	9C	THCS Đại Minh	Ngữ văn 9	Ba
206.	TÔ THÀNH ĐẠT	09/02/2009	9C	THCS Đại Minh	Toán 9	Ba
207.	NGUYỄN THỊ DIJU	28/10/2009	9C	THCS Đại Minh	GDCD 9	Khuyến khích
208.	VÔ HỒNG LƯU NGUYỄN	13/10/2009	9C	THCS Đại Minh	Hóa học 9	Khuyến khích
209.	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	03/01/2009	9C	THCS Đại Minh	Lịch sử 9	Khuyến khích
210.	VÔ THỊ QUỲNH LÊ	18/02/2009	9C	THCS Đại Minh	Ngữ văn 9	Khuyến khích
211.	PHAN THỊ HOÀI GIANG	19/01/2009	9C	THCS Đại Minh	Sinh học 9	Khuyến khích
212.	NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	27/01/2009	9C	THCS Đại Minh	Sinh học 9	Khuyến khích
213.	TÔ THÀNH ĐẠT	09/02/2009	9C	THCS Đại Minh	Tiếng Anh 9	Khuyến khích
214.	NGUYỄN THIÊN NHÂN	12/01/2009	9C	THCS Đại Minh	Vật lý 9	Khuyến khích
215.	HÀ PHƯƠNG VY	23/07/2009	9A	THCS Đô Thành	Lịch sử 9	Nhì
216.	HỒ THỊ MAI LAN	09/08/2009	9A	THCS Đô Thành	Ngữ văn 9	Nhì
217.	LUYỆN NHẬT MINH	02/12/2009	9A	THCS Đô Thành	Sinh học 9	Nhì
218.	NGUYỄN THỊ HÀ ANH	30/12/2009	9B	THCS Đô Thành	Sinh học 9	Nhì
219.	TRẦN HOÀNG MINH PHƯƠNG	21/10/2009	9A	THCS Đô Thành	Sinh học 9	Nhì
220.	ĐÀO DANH HƯNG	10/07/2009	9A	THCS Đô Thành	Sinh học 9	Nhì
221.	LÊ HOÀNG HẢI ANH	30/06/2009	9A	THCS Đô Thành	Toán 9	Nhì
222.	PHẠM THỊ DIỄM QUỲNH	20/07/2009	9B	THCS Đô Thành	Địa lý 9	Ba
223.	HOÀNG THU HIỀN	29/07/2009	9B	THCS Đô Thành	GDCD 9	Ba
224.	HỒ THỊ LONG	18/07/2009	9B	THCS Đô Thành	GDCD 9	Ba
225.	HOÀNG THỊ HUYỀN TRANG	24/07/2009	9A	THCS Đô Thành	Ngữ văn 9	Ba

TT	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Môn thi	Giải
226.	NGUYỄN HÀ AN	10/12/2009	9A	THCS Đô Thành	Ngữ văn 9	Ba
227.	HỒ QUỲNH HƯƠNG	15/03/2009	9A	THCS Đô Thành	Ngữ văn 9	Ba
228.	PHAN THỊ KIM CHI	30/03/2009	9A	THCS Đô Thành	Ngữ văn 9	Ba
229.	PHẠM THỊ TÚ AN	07/11/2009	9A	THCS Đô Thành	Ngữ văn 9	Ba
230.	HỒ NGUYỄN MINH ĐỨC	01/12/2009	9A	THCS Đô Thành	Toán 9	Ba
231.	HỒ VŨ HIỀN LƯƠNG	28/02/2009	9B	THCS Đô Thành	Địa lý 9	Khuyến khích
232.	NGUYỄN THỊ HẰNG	20/02/2009	9B	THCS Đô Thành	GDCD 9	Khuyến khích
233.	VÕ HOÀNG SƠN	10/10/2009	9A	THCS Đô Thành	Hóa học 9	Khuyến khích
234.	NGUYỄN THẢO NHƯ	08/10/2009	9A	THCS Đô Thành	Hóa học 9	Khuyến khích
235.	HỒ THỊ XUÂN CÚC	17/03/2009	9B	THCS Đô Thành	Lịch sử 9	Khuyến khích
236.	HÀ YẾN NHI	01/01/2009	9A	THCS Đô Thành	Lịch sử 9	Khuyến khích
237.	BÙI QUANG HUY	13/05/2009	9B	THCS Đô Thành	Lịch sử 9	Khuyến khích
238.	PHAN KHÁNH NGỌC	26/11/2009	9A	THCS Đô Thành	Ngữ văn 9	Khuyến khích
239.	HOÀNG PHƯƠNG THẢO	10/09/2009	9A	THCS Đô Thành	Ngữ văn 9	Khuyến khích
240.	PHẠM THỊ THỦY LINH	29/03/2009	9B	THCS Đô Thành	Sinh học 9	Khuyến khích
241.	HỒ NGUYỄN MINH ĐỨC	01/12/2009	9A	THCS Đô Thành	Tiếng Anh 9	Khuyến khích
242.	PHAN THỊ QUỲNH NHƯ	23/10/2009	9A	THCS Đô Thành	Tiếng Anh 9	Khuyến khích
243.	NGUYỄN HÀ LINH	19/05/2009	9A	THCS Đô Thành	Tiếng Anh 9	Khuyến khích
244.	PHAN ANH QUÂN	05/01/2009	9A	THCS Đô Thành	Toán 9	Khuyến khích
245.	VÕ HOÀNG SƠN	10/10/2009	9A	THCS Đô Thành	Toán 9	Khuyến khích
246.	PHAN THÀNH ĐẠT	05/04/2009	9A	THCS Đô Thành	Vật lý 9	Khuyến khích
247.	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VI	09/12/2009	9A	THCS Đồng Thành	Địa lý 9	Nhì
248.	NGUYỄN HỒ SƠN	12/01/2009	9A	THCS Đồng Thành	Sinh học 9	Nhì
249.	PHAN THỊ HOÀI THƯƠNG	15/03/2009	9A	THCS Đồng Thành	Địa lý 9	Ba
250.	NGUYỄN THỊ THU HƯỜNG	22/02/2009	9A	THCS Đồng Thành	Địa lý 9	Ba
251.	NGUYỄN HOÀI ANH	20/08/2009	9A	THCS Đồng Thành	Hóa học 9	Ba
252.	NGUYỄN VĂN ĐỨC	18/01/2009	9A	THCS Đồng Thành	Hóa học 9	Ba
253.	NGUYỄN HOÀI ANH	20/08/2009	9A	THCS Đồng Thành	Sinh học 9	Ba
254.	NGUYỄN XUÂN THẾ	09/05/2009	9A	THCS Đồng Thành	Địa lý 9	Khuyến khích
255.	ĐẶNG MINH QUÂN	15/02/2009	9A	THCS Đồng Thành	Địa lý 9	Khuyến khích
256.	NGUYỄN NGỌC ÁNH	20/04/2009	9A	THCS Đồng Thành	Hóa học 9	Khuyến khích
257.	NGUYỄN XUÂN ĐƯƠNG	13/05/2009	9A	THCS Đồng Thành	Ngữ văn 9	Khuyến khích
258.	NGÔ LÊ NA	17/06/2009	9A	THCS Đồng Thành	Tiếng Anh 9	Khuyến khích
259.	TRẦN DANH VIỆT	05/12/2009	9A	THCS Đồng Thành	Vật lý 9	Khuyến khích
260.	LÊ TUẤN ĐẠT	16/04/2009	9A	THCS Đức Thành	Hóa học 9	Khuyến khích
261.	CHU THỊ THÙY LINH	04/01/2009	9A	THCS Đức Thành	Ngữ văn 9	Khuyến khích
262.	NGUYỄN THỊ THẢO	14/09/2009	9A	THCS Đức Thành	Sinh học 9	Khuyến khích
263.	VÕ MINH CHÂU	25/02/2009	9A	THCS Đức Thành	Toán 9	Khuyến khích
264.	TRẦN THỊ NGỌC TRÂM	03/01/2009	9E	THCS Hồ Tông Thốc	GDCD 9	Nhì
265.	TRẦN THỊ HƯƠNG GIANG	06/03/2009	9E	THCS Hồ Tông Thốc	Hóa học 9	Nhì
266.	VÕ NGỌC THẮNG	06/11/2009	9E	THCS Hồ Tông Thốc	Hóa học 9	Nhì
267.	LÊ THỊ LƯƠNG	02/12/2009	9E	THCS Hồ Tông Thốc	Lịch sử 9	Nhì
268.	NGUYỄN ANH THƯ	29/07/2009	9E	THCS Hồ Tông Thốc	Lịch sử 9	Nhì
269.	NGUYỄN THỊ QUY	23/09/2009	9E	THCS Hồ Tông Thốc	Lịch sử 9	Nhì
270.	NGUYỄN THẢO VÂN	30/08/2009	9E	THCS Hồ Tông Thốc	Tiếng Anh 9	Nhì
271.	HỒ PHƯƠNG CHI	23/08/2009	9E	THCS Hồ Tông Thốc	Tiếng Anh 9	Nhì
272.	NGUYỄN THỊ THẨM	31/03/2009	9E	THCS Hồ Tông Thốc	GDCD 9	Ba
273.	LÊ PHAN QUỲNH GIAO	08/12/2009	9E	THCS Hồ Tông Thốc	Lịch sử 9	Ba

TT	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Môn thi	Giải
274.	VƯƠNG THỊ TUYẾT	07/09/2009	9E	THCS Hồ Tông Thốc	Sinh học 9	Ba
275.	NGUYỄN THỊ HÀ ANH	05/03/2009	9E	THCS Hồ Tông Thốc	Tiếng Anh 9	Ba
276.	NGUYỄN THẢO VÂN	30/08/2009	9E	THCS Hồ Tông Thốc	Toán 9	Ba
277.	LÊ THỊ HOÀI TÂM	26/09/2009	9E	THCS Hồ Tông Thốc	Địa lý 9	Khuyến khích
278.	HỒ THỊ QUYÊN	20/11/2009	9E	THCS Hồ Tông Thốc	Địa lý 9	Khuyến khích
279.	TRẦN THỊ THANH THANH	17/09/2009	9E	THCS Hồ Tông Thốc	Địa lý 9	Khuyến khích
280.	NGUYỄN THỊ KIM PHƯƠNG	17/12/2009	9E	THCS Hồ Tông Thốc	GDCD 9	Khuyến khích
281.	LÊ THỊ MAI UYÊN	29/01/2009	9E	THCS Hồ Tông Thốc	GDCD 9	Khuyến khích
282.	NGUYỄN THỊ MAI	15/03/2009	9E	THCS Hồ Tông Thốc	GDCD 9	Khuyến khích
283.	TẠ THỊ HÀ TRANG	10/04/2009	9E	THCS Hồ Tông Thốc	Hóa học 9	Khuyến khích
284.	TĂNG THỊ PHƯƠNG	05/06/2009	9E	THCS Hồ Tông Thốc	Lịch sử 9	Khuyến khích
285.	NGUYỄN THỊ HÀ MY	21/11/2009	9E	THCS Hồ Tông Thốc	Ngữ văn 9	Khuyến khích
286.	TRẦN BẢO NGỌC	16/05/2009	9E	THCS Hồ Tông Thốc	Ngữ văn 9	Khuyến khích
287.	ĐUỜNG THỊ KHÁNH NGỌC	09/07/2009	9E	THCS Hồ Tông Thốc	Ngữ văn 9	Khuyến khích
288.	LÊ THỊ VÂN	23/03/2009	9E	THCS Hồ Tông Thốc	Sinh học 9	Khuyến khích
289.	NGUYỄN VĂN PHÁT	25/02/2009	9E	THCS Hồ Tông Thốc	Toán 9	Khuyến khích
290.	NGUYỄN THỊ HÀ ANH	05/03/2009	9E	THCS Hồ Tông Thốc	Toán 9	Khuyến khích
291.	NGUYỄN VĂN GIÁP	22/01/2009	9E	THCS Hồ Tông Thốc	Vật lý 9	Khuyến khích
292.	NGUYỄN TUẤN VIỆT	13/05/2009	9E	THCS Hồ Tông Thốc	Vật lý 9	Khuyến khích
293.	NGUYỄN THỊ HẰNG	23/09/2009	9A	THCS Hoàng Tá Thôn	Ngữ văn 9	Nhất
294.	NGUYỄN THỊ UYÊN	10/02/2009	9A	THCS Hoàng Tá Thôn	GDCD 9	Nhì
295.	HOÀNG THỊ HOA	17/01/2009	9A	THCS Hoàng Tá Thôn	GDCD 9	Nhì
296.	PHẠM NHẤT PHONG	07/12/2009	9A	THCS Hoàng Tá Thôn	Hóa học 9	Nhì
297.	ĐẶNG TRỌNG HUY	19/05/2009	9A	THCS Hoàng Tá Thôn	Hóa học 9	Nhì
298.	HOÀNG THỊ TƯỜNG VY	11/06/2009	9A	THCS Hoàng Tá Thôn	GDCD 9	Ba
299.	PHẠM THỦY TRANG	16/03/2009	9D	THCS Hoàng Tá Thôn	GDCD 9	Ba
300.	PHẠM VĂN TUẤN	14/02/2009	9A	THCS Hoàng Tá Thôn	Hóa học 9	Ba
301.	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	04/01/2009	9D	THCS Hoàng Tá Thôn	Lịch sử 9	Ba
302.	HOÀNG HẢI YẾN	08/07/2009	9A	THCS Hoàng Tá Thôn	Vật lý 9	Ba
303.	NGUYỄN MINH QUÂN	29/11/2009	9A	THCS Hoàng Tá Thôn	Vật lý 9	Ba
304.	LÊ CHƯƠNG VƯƠNG	29/11/2009	9A	THCS Hoàng Tá Thôn	Vật lý 9	Ba
305.	PHẠM KIM CHI	21/03/2009	9C	THCS Hoàng Tá Thôn	Địa lý 9	Khuyến khích
306.	HOÀNG PHI HÙNG	13/10/2009	9A	THCS Hoàng Tá Thôn	Địa lý 9	Khuyến khích
307.	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	17/08/2009	9A	THCS Hoàng Tá Thôn	GDCD 9	Khuyến khích
308.	NGUYỄN QUỲNH ANH	02/09/2009	9C	THCS Hoàng Tá Thôn	Lịch sử 9	Khuyến khích
309.	NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	10/01/2009	9B	THCS Hoàng Tá Thôn	Lịch sử 9	Khuyến khích
310.	NGUYỄN THỊ THẢO MY	28/04/2009	9A	THCS Hoàng Tá Thôn	Lịch sử 9	Khuyến khích
311.	NGUYỄN NGỌC VÂN ANH	19/05/2009	9A	THCS Hoàng Tá Thôn	Sinh học 9	Khuyến khích
312.	TRẦN MINH GIANG	31/10/2009	9A	THCS Hoàng Tá Thôn	Sinh học 9	Khuyến khích
313.	PHẠM VĂN TUẤN	14/02/2009	9A	THCS Hoàng Tá Thôn	Toán 9	Khuyến khích
314.	NGUYỄN TRẦN MAI PHƯƠNG	29/01/2009	9A	THCS Hoàng Tá Thôn	Toán 9	Khuyến khích
315.	NGUYỄN VĂN TIẾN	28/06/2009	9A	THCS Hùng Thành	Địa lý 9	Ba
316.	HOÀNG VĂN HIỆP	25/01/2009	9A	THCS Hùng Thành	Địa lý 9	Khuyến khích
317.	TRẦN THỊ KHÁNH LINH	15/12/2009	9C	THCS Hùng Thành	GDCD 9	Khuyến khích
318.	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	04/12/2009	9A	THCS Hùng Thành	GDCD 9	Khuyến khích

TT	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Môn thi	Giải
319.	NGÔ THỊ XOAN	26/06/2009	9A	THCS Hùng Thành	GDCD 9	Khuyến khích
320.	NGUYỄN THỊ TÌNH	23/04/2009	9A	THCS Hùng Thành	Lịch sử 9	Khuyến khích
321.	TRẦN KHÁNH HUYỀN	02/01/2009	9A	THCS Hùng Thành	Ngữ văn 9	Khuyến khích
322.	HỒ HUYỀN TRANG	11/06/2009	9A	THCS Hùng Thành	Tiếng Anh 9	Khuyến khích
323.	LẠI THỊ HUYỀN TRANG	10/08/2009	9A	THCS Lãng Thành	Địa lý 9	Nhì
324.	NGUYỄN THỊ LINH ĐAN	08/12/2009	9A	THCS Lãng Thành	Địa lý 9	Nhì
325.	NGUYỄN HỮU KIÊN	15/04/2009	9A	THCS Lãng Thành	Lịch sử 9	Nhì
326.	HÀ PHƯƠNG NGÀ	28/08/2009	9A	THCS Lãng Thành	Toán 9	Nhì
327.	NGUYỄN HỮU QUÂN	26/01/2009	9A	THCS Lãng Thành	Toán 9	Nhì
328.	NGUYỄN HỮU DUY KHÁNH	05/09/2009	9A	THCS Lãng Thành	Hóa học 9	Ba
329.	PHẠM THANH TÂM	18/08/2009	9A	THCS Lãng Thành	GDCD 9	Khuyến khích
330.	HOÀNG DANH GIANG	02/09/2009	9A	THCS Lãng Thành	Hóa học 9	Khuyến khích
331.	NGUYỄN HỒ MINH	09/12/2009	9A	THCS Lãng Thành	Sinh học 9	Khuyến khích
332.	TẠ KHÁNH UYÊN	14/12/2009	9A	THCS Lãng Thành	Tiếng Anh 9	Khuyến khích
333.	THÁI KHẮC TRÍ	04/12/2009	9A	THCS Lãng Thành	Toán 9	Khuyến khích
334.	NGUYỄN HỮU QUÝ	12/01/2009	9A	THCS Lãng Thành	Toán 9	Khuyến khích
335.	HỒ VĂN MINH	14/09/2009	9A	THCS Lãng Thành	Vật lý 9	Khuyến khích
336.	NGUYỄN BÁ KHÁNH DUY	22/01/2009	9A	THCS Lãng Thành	Vật lý 9	Khuyến khích
337.	LÊ PHƯƠNG VI	01/01/2009	9A	THCS Lê Doãn Nhã	GDCD 9	Nhì
338.	NGUYỄN VĂN THÁI BẢO	10/02/2009	9A	THCS Lê Doãn Nhã	Toán 9	Nhì
339.	TRẦN THỊ QUỲNH NGÀ	24/08/2009	9A	THCS Lê Doãn Nhã	Địa lý 9	Ba
340.	NGUYỄN THỊ THUY TRANG	16/02/2009	9A	THCS Lê Doãn Nhã	GDCD 9	Khuyến khích
341.	HỒ THỊ NGỌC TRÂM	16/03/2009	9A	THCS Lê Doãn Nhã	Lịch sử 9	Khuyến khích
342.	NGUYỄN THỊ HẰNG	14/06/2009	9A	THCS Lê Doãn Nhã	Ngữ văn 9	Khuyến khích
343.	NGUYỄN THỊ HƯƠNG THẢO	08/10/2009	9A	THCS Lê Doãn Nhã	Toán 9	Khuyến khích
344.	LÊ THỊ MỸ HẠNH	01/11/2009	9A	THCS Liên - Lý	Ngữ văn 9	Khuyến khích
345.	NGUYỄN THẢO PHƯƠNG	23/02/2009	9A	THCS Liên - Lý	Ngữ văn 9	Khuyến khích
346.	HOÀNG THỊ BẢO THY	20/09/2009	9A	THCS Liên- Lý	Địa lý 9	Nhất
347.	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	29/06/2009	9A	THCS Liên- Lý	Địa lý 9	Nhì
348.	THÁI THỊ CẨM TÚ	22/11/2009	9A	THCS Liên- Lý	Toán 9	Nhì
349.	NGUYỄN PHAN PHƯƠNG ANH	03/07/2009	9A	THCS Liên- Lý	Địa lý 9	Ba
350.	NGUYỄN PHẠM THỰC AN	10/02/2009	9A	THCS Liên- Lý	Địa lý 9	Ba
351.	LÊ THỊ NGỌC DIỆP	21/04/2009	9A	THCS Liên- Lý	Địa lý 9	Ba
352.	ĐẶNG CAO KỶ	06/04/2009	9A	THCS Liên- Lý	Toán 9	Ba
353.	ĐẶNG CAO KỶ	06/04/2009	9A	THCS Liên- Lý	Vật lý 9	Ba
354.	PHẠM THÁI VINH	27/03/2009	9A	THCS Liên- Lý	Ngữ văn 9	Khuyến khích
355.	NGUYỄN BÁ ĐỨC	20/10/2009	9A	THCS Liên- Lý	Sinh học 9	Khuyến khích
356.	PHAN ĐỨC AN	05/04/2009	9A	THCS Liên-Lý	Toán 9	Ba
357.	LÊ TÚ ANH	30/05/2009	9A	THCS Liên-Lý	Sinh học 9	Khuyến khích
358.	LÊ THỊ THƯƠNG	25/02/2009	9A	THCS Liên-Lý	GDCD 9	Nhất
359.	TRẦN NHẬT BÌNH	12/01/2009	9A	THCS Liên-Lý	Hóa học 9	Nhì
360.	ĐẬU THỊ TƯỜNG VY	08/04/2009	9A	THCS Liên-Lý	Sinh học 9	Nhì
361.	ĐỖ ĐỨC GIANG	14/05/2009	9A	THCS Liên-Lý	Sinh học 9	Nhì
362.	THÁI THỊ KIM ANH	11/07/2009	9A	THCS Liên-Lý	GDCD 9	Ba
363.	NGUYỄN THỊ TRUNG	11/02/2009	9A	THCS Liên-Lý	GDCD 9	Ba
364.	NGUYỄN LÊ TRÀ MY	15/07/2009	9A	THCS Liên-Lý	Hóa học 9	Ba

TT	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Môn thi	Giải
365.	LÊ THỊ HƯỜNG	13/03/2009	9A	THCS Liên-Lý	GDCD 9	Khuyến khích
366.	PHAN THỊ HỒNG HẠNH	28/06/2009	9A	THCS Liên-Lý	Lịch sử 9	Khuyến khích
367.	ĐẬU THỊ TUỜNG VY	08/04/2009	9A	THCS Liên-Lý	Tiếng Anh 9	Khuyến khích
368.	TRỊNH THỊ MAI TRANG	06/11/2009	9A1	THCS Mã Thành	Lịch sử 9	Nhì
369.	NGUYỄN THỊ TÚ VÂN	13/10/2009	9A1	THCS Mã Thành	Lịch sử 9	Nhì
370.	NGUYỄN THỊ BẢO CHI	17/01/2009	9A1	THCS Mã Thành	Sinh học 9	Nhì
371.	PHẠM NGỌC HIẾU	16/05/2009	9A1	THCS Mã Thành	Tiếng Anh 9	Nhì
372.	ĐÀO QUANG HÙNG	05/11/2009	9A1	THCS Mã Thành	Địa lý 9	Ba
373.	TRẦN THỊ TRÚC LY	02/12/2009	9A2	THCS Mã Thành	Địa lý 9	Ba
374.	LÊ NGUYỄN ANH MINH	05/10/2009	9A1	THCS Mã Thành	Hóa học 9	Ba
375.	BÙI MAI THỊ CHI	04/06/2009	9A1	THCS Mã Thành	Hóa học 9	Ba
376.	NGUYỄN THỊ HẬU	17/09/2009	9A1	THCS Mã Thành	Lịch sử 9	Ba
377.	THÁI VĂN KHÁNH	06/01/2009	9A1	THCS Mã Thành	Sinh học 9	Ba
378.	TRẦN THỊ TÂM	01/01/2009	9A1	THCS Mã Thành	Tiếng Anh 9	Ba
379.	TRẦN THỊ HUYỀN	12/07/2009	9A1	THCS Mã Thành	Toán 9	Ba
380.	PHAN TRÍ HỮU	25/12/2009	9A1	THCS Mã Thành	Vật lý 9	Ba
381.	TRẦN THỊ HUYỀN	12/07/2009	9A1	THCS Mã Thành	Vật lý 9	Ba
382.	TRẦN VĂN THÁI SƠN	08/01/2009	9A1	THCS Mã Thành	Địa lý 9	Khuyến khích
383.	VŨ THỊ HIỀN	23/01/2009	9A2	THCS Mã Thành	Địa lý 9	Khuyến khích
384.	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	24/10/2009	9A3	THCS Mã Thành	Địa lý 9	Khuyến khích
385.	TRƯƠNG THỊ THƯƠNG	09/02/2009	9A1	THCS Mã Thành	Địa lý 9	Khuyến khích
386.	TRẦN THỊ MẾN	16/01/2009	9A2	THCS Mã Thành	GDCD 9	Khuyến khích
387.	TRẦN THỊ HẬU	23/08/2009	9A1	THCS Mã Thành	GDCD 9	Khuyến khích
388.	QUÁCH XUÂN VY	05/01/2009	9A1	THCS Mã Thành	GDCD 9	Khuyến khích
389.	CUNG THỊ THOA	19/08/2009	9A1	THCS Mã Thành	Lịch sử 9	Khuyến khích
390.	NGUYỄN THỊ HOÀI	14/02/2009	9A1	THCS Mã Thành	Lịch sử 9	Khuyến khích
391.	TRẦN THỊ THANH THÚY	16/11/2009	9A1	THCS Mã Thành	Ngữ văn 9	Khuyến khích
392.	ĐÀO THANH HẰNG	18/08/2009	9A1	THCS Mã Thành	Sinh học 9	Khuyến khích
393.	TRẦN THỊ THÙY LINH	22/11/2009	9A1	THCS Mã Thành	Tiếng Anh 9	Khuyến khích
394.	ĐOÀN THỊ DUYỀN	28/05/2009	9A1	THCS Mã Thành	Tiếng Anh 9	Khuyến khích
395.	ĐOÀN THỊ UYÊN	24/09/2009	9A1	THCS Mã Thành	Toán 9	Khuyến khích
396.	ĐOÀN ĐÌNH THỐNG	06/06/2009	9A1	THCS Mã Thành	Vật lý 9	Khuyến khích
397.	ĐOÀN THỊ UYÊN	24/09/2009	9A1	THCS Mã Thành	Vật lý 9	Khuyến khích
398.	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HOÀI	11/04/2009	9A	THCS Mỹ Thành	Tin học 9	Nhất
399.	NGUYỄN THỊ THẢO	12/11/2009	9A	THCS Mỹ Thành	Địa lý 9	Nhì
400.	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	23/03/2009	9A	THCS Mỹ Thành	Tiếng Anh 9	Nhì
401.	NGUYỄN THỊ HIỀN	11/05/2009	9A	THCS Mỹ Thành	Địa lý 9	Ba
402.	NGUYỄN THỊ BÌNH	15/07/2009	9A	THCS Mỹ Thành	Sinh học 9	Ba
403.	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HOÀI	11/04/2009	9A	THCS Mỹ Thành	Toán 9	Ba
404.	NGUYỄN VĨNH QUANG	20/03/2009	9A	THCS Mỹ Thành	Toán 9	Ba
405.	NGUYỄN VĨNH QUANG	20/03/2009	9A	THCS Mỹ Thành	Vật lý 9	Ba
406.	NGUYỄN HỒNG QUÂN	01/04/2009	9A	THCS Mỹ Thành	Vật lý 9	Ba
407.	NGUYỄN VĂN MINH NHẬT	30/11/2009	9A	THCS Mỹ Thành	Tin học 9	Ba
408.	NGUYỄN THỊ LAN ANH	04/07/2009	9A	THCS Mỹ Thành	Lịch sử 9	Khuyến khích
409.	HỒ XUÂN HƯƠNG	17/03/2009	9A	THCS Mỹ Thành	Lịch sử 9	Khuyến khích
410.	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	08/01/2009	9A	THCS Mỹ Thành	Lịch sử 9	Khuyến khích

TT	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Môn thi	Giải
411.	NGUYỄN ĐÌNH NHẬT QUANG	23/01/2009	9B	THCS Mỹ Thành	Lịch sử 9	Khuyến khích
412.	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	31/10/2009	9A	THCS Mỹ Thành	Ngữ văn 9	Khuyến khích
413.	NGUYỄN VĂN SỬU	22/03/2009	9A	THCS Mỹ Thành	Ngữ văn 9	Khuyến khích
414.	NGUYỄN THANH TÂM	08/03/2009	9A	THCS Mỹ Thành	Ngữ văn 9	Khuyến khích
415.	THÁI MINH TRANG	24/10/2009	9A	THCS Mỹ Thành	Sinh học 9	Khuyến khích
416.	NGUYỄN THỊ NGỌC KHÁNH	02/09/2009	9A	THCS Mỹ Thành	Sinh học 9	Khuyến khích
417.	PHẠM THỊ MINH HẰNG	03/11/2009	9A	THCS Mỹ Thành	Sinh học 9	Khuyến khích
418.	VŨ NGUYỄN BẢO THỊ	03/03/2009	9A	THCS Nam Thành	Địa lý 9	Nhì
419.	NGUYỄN SỸ TỬ	04/06/2009	9A	THCS Nam Thành	Lịch sử 9	Nhì
420.	PHAN HOÀNG LINH	04/08/2009	9A	THCS Nam Thành	Ngữ văn 9	Nhì
421.	NGUYỄN THỊ MỸ UYÊN	04/10/2009	9A	THCS Nam Thành	Địa lý 9	Ba
422.	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	24/11/2009	9A	THCS Nam Thành	GDCD 9	Ba
423.	HOÀNG THỊ HIỀN	23/03/2009	9A	THCS Nam Thành	Lịch sử 9	Ba
424.	VŨ THỊ TRÂM ANH	15/05/2009	9A	THCS Nam Thành	Ngữ văn 9	Ba
425.	TÔ THỊ THÚY NGÂN	10/07/2009	9A	THCS Nam Thành	Sinh học 9	Ba
426.	PHAN THỊ THÚY	18/11/2009	9A	THCS Nam Thành	GDCD 9	Khuyến khích
427.	NGUYỄN THỊ NGÂN	16/02/2009	9A	THCS Nam Thành	Hóa học 9	Khuyến khích
428.	ĐẶNG HOÀNG BÁ THẮNG	16/12/2009	9A	THCS Nam Thành	Hóa học 9	Khuyến khích
429.	PHAN HOÀNG LINH	04/08/2009	9A	THCS Nam Thành	Tiếng Anh 9	Khuyến khích
430.	ĐINH VĂN TOÀN	08/10/2009	9A	THCS Nam Thành	Vật lý 9	Khuyến khích
431.	PHAN THỊ THỦY	30/10/2009	9A	THCS Nhân Thành	GDCD 9	Nhì
432.	NGUYỄN HẠ VY	15/04/2009	9A	THCS Nhân Thành	Ngữ văn 9	Nhì
433.	NGUYỄN HOÀI THANH	29/04/2009	9A	THCS Nhân Thành	GDCD 9	Ba
434.	ĐẶNG THỊ MỸ DUYÊN	20/03/2009	9A	THCS Nhân Thành	Lịch sử 9	Ba
435.	PHAN HẠ PHƯƠNG	12/10/2009	9A	THCS Nhân Thành	Tiếng Anh 9	Ba
436.	PHAN QUỲNH TRANG	30/07/2009	9A	THCS Nhân Thành	Địa lý 9	Khuyến khích
437.	NGUYỄN XUÂN DŨNG	31/07/2009	9A	THCS Nhân Thành	GDCD 9	Khuyến khích
438.	NGUYỄN THỊ MAI THUYỀN	22/01/2009	9A	THCS Nhân Thành	Hóa học 9	Khuyến khích
439.	DƯƠNG THAO NGUYỄN	09/06/2009	9A	THCS Nhân Thành	Lịch sử 9	Khuyến khích
440.	TRẦN MAI PHƯƠNG	29/10/2009	9A	THCS Nhân Thành	Lịch sử 9	Khuyến khích
441.	NGUYỄN PHƯƠNG NGUYỄN	23/10/2009	9A	THCS Nhân Thành	Tiếng Anh 9	Khuyến khích
442.	NGUYỄN THANH TRÚC	02/08/2009	9A	THCS Nhân Thành	Toán 9	Khuyến khích
443.	PHAN THU HẰNG	25/07/2009	9C	THCS Phan Đăng lưu	GDCD 9	Nhì
444.	PHAN THỊ VÂN	16/04/2009	9C	THCS Phan Đăng lưu	GDCD 9	Nhì
445.	PHAN LÂM CHI	20/07/2009	9C	THCS Phan Đăng lưu	Ngữ văn 9	Nhì
446.	NGUYỄN THỊ TRÂM	29/04/2009	9C	THCS Phan Đăng lưu	Ngữ văn 9	Nhì
447.	NGUYỄN NGỌC THANH MAI	20/02/2009	9C	THCS Phan Đăng lưu	Ngữ văn 9	Nhì
448.	PHAN TRẦN HÀ ANH	21/08/2009	9C	THCS Phan Đăng lưu	Tiếng Anh 9	Nhì
449.	VŨ NGỌC VINH	10/12/2009	9C	THCS Phan Đăng lưu	Toán 9	Nhì
450.	PHAN VŨ KHÔI NGUYỄN	24/03/2009	9C	THCS Phan Đăng lưu	Tin học 9	Nhì
451.	PHAN HOÀNG ANH	15/03/2009	9C	THCS Phan Đăng lưu	GDCD 9	Ba
452.	CAO NGỌC DIỆP	10/01/2009	9C	THCS Phan Đăng lưu	GDCD 9	Ba
453.	NGUYỄN THỊ TRÂM	29/04/2009	9C	THCS Phan Đăng Lưu	Lịch sử 9	Ba
454.	DƯƠNG YẾN NGỌC	27/09/2009	9C	THCS Phan Đăng lưu	Lịch sử 9	Ba
455.	PHAN THỊ HIỀN	27/08/2009	9D	THCS Phan Đăng lưu	Lịch sử 9	Ba

TT	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Môn thi	Giải
456.	VŨ ĐÌNH PHONG	09/03/2009	9A	THCS Phan Đăng lưu	Lịch sử 9	Ba
457.	CAO THỊ THẢO VY	21/03/2009	9C	THCS Phan Đăng lưu	Ngữ văn 9	Ba
458.	DƯƠNG YẾN NGỌC	27/09/2009	9C	THCS Phan Đăng lưu	Ngữ văn 9	Ba
459.	ĐÀO PHAN HUYỀN TRANG	11/06/2009	9C	THCS Phan Đăng lưu	Ngữ văn 9	Ba
460.	NGUYỄN MAI CHI	29/01/2009	9C	THCS Phan Đăng lưu	Tiếng Anh 9	Ba
461.	NGUYỄN NGỌC THANH MAI	20/02/2009	9C	THCS Phan Đăng lưu	Tiếng Anh 9	Ba
462.	PHAN VŨ KHÔI NGUYỄN	24/03/2009	9C	THCS Phan Đăng lưu	Tiếng Anh 9	Ba
463.	ĐÀO VĂN QUÂN	26/02/2009	9C	THCS Phan Đăng lưu	Toán 9	Ba
464.	NGUYỄN THUỖ TRANG	16/09/2009	9C	THCS Phan Đăng lưu	Địa lý 9	Khuyến khích
465.	PHAN THANH TRÚC	07/09/2009	9C	THCS Phan Đăng lưu	Địa lý 9	Khuyến khích
466.	PHAN THỊ MAI ANH	05/11/2009	9C	THCS Phan Đăng lưu	GDCD 9	Khuyến khích
467.	NGUYỄN THỊ NGÂN KHÁNH	26/07/2009	9C	THCS Phan Đăng lưu	Hóa học 9	Khuyến khích
468.	HỒ ANH QUANG	22/09/2009	9D	THCS Phan Đăng lưu	Lịch sử 9	Khuyến khích
469.	PHAN THỊ HÀ VI	06/02/2009	9C	THCS Phan Đăng lưu	Sinh học 9	Khuyến khích
470.	CHU NGỌC BẢO	24/09/2009	9C	THCS Phan Đăng lưu	Tiếng Anh 9	Khuyến khích
471.	PHAN VŨ KHÔI NGUYỄN	24/03/2009	9C	THCS Phan Đăng lưu	Toán 9	Khuyến khích
472.	HÀ THỊ HỒNG DUYÊN	17/06/2009	9A	THCS Phú Hồng	Địa lý 9	Ba
473.	ĐẶNG THỊ MINH TUYẾT	14/06/2009	9A	THCS Phú Hồng	Địa lý 9	Ba
474.	TẠ QUỐC DŨNG	12/11/2009	9A	THCS Phú Hồng	Hóa học 9	Ba
475.	PHẠM XUÂN THẢO	17/07/2009	9A	THCS Phú Hồng	Lịch sử 9	Ba
476.	HOÀNG NGỌC TỐI	04/02/2009	9A	THCS Phú Hồng	Sinh học 9	Ba
477.	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	13/03/2009	9A	THCS Phú Hồng	Tiếng Anh 9	Ba
478.	PHẠM VĂN MINH	12/12/2009	9A	THCS Phú Hồng	Toán 9	Ba
479.	TRỊNH BẢO LONG	11/08/2009	9G	THCS Phú Hồng	Vật lý 9	Ba
480.	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	09/04/2009	9A	THCS Phú Hồng	Vật lý 9	Ba
481.	HÀ VIỆT CƯỜNG	10/01/2009	9G	THCS Phú Hồng	Vật lý 9	Ba
482.	NGUYỄN THỦY LINH	16/09/2009	9A	THCS Phú Hồng	GDCD 9	Khuyến khích
483.	VƯƠNG CÔNG TRÁNG	02/11/2009	9A	THCS Phú Hồng	Hóa học 9	Khuyến khích
484.	ĐẶNG CÔNG MINH	19/05/2009	9A	THCS Phú Hồng	Hóa học 9	Khuyến khích
485.	HOÀNG QUỲNH THƠM	01/04/2009	9A	THCS Phú Hồng	Lịch sử 9	Khuyến khích
486.	HÀ THỊ HỒNG DUYÊN	17/06/2009	9A	THCS Phú Hồng	Ngữ văn 9	Khuyến khích
487.	HOÀNG NHƯ MƠ	01/11/2009	9A	THCS Phú Hồng	Ngữ văn 9	Khuyến khích
488.	ĐẬU THỊ LƯƠNG	01/10/2009	9A	THCS Phú Hồng	Sinh học 9	Khuyến khích
489.	VÔ THỊ THẢO HẰNG	04/02/2009	9A	THCS Phú Hồng	Tiếng Anh 9	Khuyến khích
490.	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	09/04/2009	9A	THCS Phú Hồng	Toán 9	Khuyến khích
491.	PHAN THỊ HUYỀN DIỆU	09/05/2009	9A	THCS Phú Hồng	Toán 9	Khuyến khích
492.	VÔ KHẮC ĐỨC	16/06/2009	9A	THCS Phú Hồng	Vật lý 9	Khuyến khích
493.	PHAN THỊ THỦY TRANG	10/04/2009	9A	THCS Phúc Thành	Địa lý 9	Nhì
494.	PHAN THỊ HẢI YẾN	08/01/2009	9A	THCS Phúc Thành	Địa lý 9	Nhì
495.	NGUYỄN THỊ HẰNG	11/03/2009	9C	THCS Phúc Thành	GDCD 9	Nhì
496.	PHẠM THỊ KHÁNH NGÂN	13/04/2009	9A	THCS Phúc Thành	Hóa học 9	Nhì
497.	LÊ THỊ THỦY TIÊN	01/08/2009	9A	THCS Phúc Thành	Lịch sử 9	Nhì
498.	NGUYỄN THẢO LY	20/07/2009	9A	THCS Phúc Thành	Lịch sử 9	Nhì
499.	NGUYỄN HỮU THẠCH	14/08/2009	9A	THCS Phúc Thành	Toán 9	Nhì
500.	NGUYỄN ĐĂNG CHÍNH	22/05/2009	9A	THCS Phúc Thành	Toán 9	Nhì
501.	PHẠM ĐỨC DƯƠNG	19/09/2009	9A	THCS Phúc Thành	Vật lý 9	Nhì
502.	NGUYỄN ĐĂNG CHÍNH	22/05/2009	9A	THCS Phúc Thành	Vật lý 9	Nhì

TT	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Môn thi	Giải
503.	LÊ NGỌC ANH	20/04/2009	9A	THCS Phúc Thành	Vật lý 9	Nhì
504.	NGUYỄN QUỲNH ANH	07/06/2009	9A	THCS Phúc Thành	GDCD 9	Ba
505.	TRẦN HƯƠNG THẢO	20/11/2009	9C	THCS Phúc Thành	GDCD 9	Ba
506.	PHẠM KHÁNH PHƯƠNG	29/05/2009	9A	THCS Phúc Thành	Hóa học 9	Ba
507.	NGUYỄN THỊ ÁNH QUYÊN	30/03/2009	9A	THCS Phúc Thành	Lịch sử 9	Ba
508.	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	13/03/2009	9A	THCS Phúc Thành	Ngữ văn 9	Ba
509.	TRẦN HOA PHƯƠNG	31/07/2009	9A	THCS Phúc Thành	Ngữ văn 9	Ba
510.	NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	16/07/2009	9A	THCS Phúc Thành	Ngữ văn 9	Ba
511.	NGUYỄN TRỌNG CUỒNG	16/06/2009	9C	THCS Phúc Thành	Sinh học 9	Ba
512.	PHẠM THỊ TUYẾT NHI	23/09/2009	9A	THCS Phúc Thành	Sinh học 9	Ba
513.	NGUYỄN THỊ XUÂN	24/05/2009	9A	THCS Phúc Thành	Địa lý 9	Khuyến khích
514.	LÊ THỊ MINH HÀ	05/01/2009	9A	THCS Phúc Thành	GDCD 9	Khuyến khích
515.	TRẦN LỆ QUYÊN	03/08/2009	9A	THCS Phúc Thành	Hóa học 9	Khuyến khích
516.	TRẦN THỊ BÍCH VÂN	23/01/2009	9A	THCS Phúc Thành	Hóa học 9	Khuyến khích
517.	LÊ THỊ THU THẢO	15/10/2009	9A	THCS Phúc Thành	Lịch sử 9	Khuyến khích
518.	ĐINH THỊ HUUỜNG GIANG	24/08/2009	9A	THCS Phúc Thành	Ngữ văn 9	Khuyến khích
519.	ĐUỜNG THỊ ÁNH SON	24/10/2009	9A	THCS Phúc Thành	Sinh học 9	Khuyến khích
520.	NGUYỄN KHÁNH LINH	23/01/2009	9A	THCS Phúc Thành	Tiếng Anh 9	Khuyến khích
521.	TRẦN VŨ DŨNG	21/10/2009	9A	THCS Phúc Thành	Tiếng Anh 9	Khuyến khích
522.	NGUYỄN VIỆT MINH NHẬT	14/06/2009	9A	THCS Phúc Thành	Toán 9	Khuyến khích
523.	PHẠM KHÁNH PHƯƠNG	29/05/2009	9A	THCS Phúc Thành	Toán 9	Khuyến khích
524.	LÊ ĐỨC ANH	08/03/2009	9A	THCS Quang Thành	Tiếng Anh 9	Nhất
525.	NGUYỄN ĐẶNG HÀ MY	30/04/2009	9A	THCS Quang Thành	Tiếng Anh 9	Nhì
526.	NGUYỄN THỊ HOÀNG SƯƠNG	06/03/2009	9A	THCS Quang Thành	Lịch sử 9	Ba
527.	ĐỒNG HUYỀN TRANG	23/10/2009	9A	THCS Quang Thành	Lịch sử 9	Ba
528.	CAO THỊ HOÀI TRANG	20/11/2009	9A	THCS Quang Thành	Sinh học 9	Ba
529.	THÁI DOÃN NGUYỄN HOÀNG	14/07/2009	9A	THCS Quang Thành	Tiếng Anh 9	Ba
530.	NGUYỄN HẢI ÂU	19/07/2009	9A	THCS Quang Thành	Tiếng Anh 9	Ba
531.	TRẦN NGUYỄN THANH NGÂN	27/02/2009	9A	THCS Quang Thành	Tiếng Anh 9	Ba
532.	TRẦN NGUYỄN THANH NGÂN	27/02/2009	9A	THCS Quang Thành	Toán 9	Ba
533.	THÁI DOÃN NGUYỄN HOÀNG	14/07/2009	9A	THCS Quang Thành	Toán 9	Ba
534.	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÚY	29/01/2009	9A	THCS Quang Thành	Địa lý 9	Khuyến khích
535.	NGUYỄN THỊ HOÀI AN	07/12/2009	9A	THCS Quang Thành	GDCD 9	Khuyến khích
536.	HỒ SỸ HIẾU	04/03/2009	9A	THCS Quang Thành	Hóa học 9	Khuyến khích
537.	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	12/12/2009	9A	THCS Quang Thành	Lịch sử 9	Khuyến khích
538.	NGUYỄN BẢO TRANG	08/01/2009	9A	THCS Quang Thành	Ngữ văn 9	Khuyến khích
539.	NGUYỄN THỰC NHI	13/11/2009	9A	THCS Quang Thành	Tiếng Anh 9	Khuyến khích
540.	LÊ ĐỨC ANH	08/03/2009	9A	THCS Quang Thành	Toán 9	Khuyến khích
541.	NGUYỄN THỂ CUỒNG	04/02/2009	9A	THCS Quang Thành	Toán 9	Khuyến khích
542.	NGUYỄN THỂ CUỒNG	04/02/2009	9A	THCS Quang Thành	Vật lý 9	Khuyến khích
543.	TRỊNH MỸ HẠNH	15/01/2009	9C	THCS Tân Thành	GDCD 9	Nhì
544.	ĐUỜNG THỊ NGỌC HUYỀN	08/12/2009	9C	THCS Tân Thành	GDCD 9	Nhì

TT	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Môn thi	Giải
545.	DƯƠNG VĂN DŨNG	24/02/2009	9C	THCS Tân Thành	Địa lý 9	Khuyến khích
546.	NGUYỄN THỊ LÊ NA	24/03/2009	9C	THCS Tân Thành	GDCD 9	Khuyến khích
547.	HOÀNG THỊ KHÁNH LINH	26/04/2009	9C	THCS Tân Thành	Lịch sử 9	Khuyến khích
548.	NGUYỄN TUẤN VŨ	15/02/2009	9A	THCS Tây Thành	Địa lý 9	Ba
549.	TRẦN THỊ VÂN ANH	26/01/2009	9A	THCS Tây Thành	Ngữ văn 9	Ba
550.	DƯƠNG VIỆT ANH	21/09/2009	9A	THCS Tây Thành	Toán 9	Ba
551.	NGUYỄN VĂN TUẤN THÀNH	06/11/2009	9A	THCS Tây Thành	Toán 9	Ba
552.	NGUYỄN TRẠCH THI	18/08/2009	9A	THCS Tây Thành	Toán 9	Ba
553.	NGUYỄN VĂN VINH	17/01/2009	9A	THCS Tây Thành	Vật lý 9	Ba
554.	NGUYỄN QUANG KIẾT	15/02/2009	9A	THCS Tây Thành	Địa lý 9	Khuyến khích
555.	NGUYỄN VĂN HÙNG	16/05/2009	9A	THCS Tây Thành	Địa lý 9	Khuyến khích
556.	NGÔ THỊ KIM DUNG	01/03/2009	9A	THCS Tây Thành	GDCD 9	Khuyến khích
557.	NGUYỄN CAO VIỆT CƯỜNG	14/07/2009	9A	THCS Tây Thành	Hóa học 9	Khuyến khích
558.	PHAN THỊ THỦY	26/03/2009	9A	THCS Tây Thành	Lịch sử 9	Khuyến khích
559.	NGUYỄN THỊ TUYẾT	30/03/2009	9A	THCS Tây Thành	Ngữ văn 9	Khuyến khích
560.	PHAN THỊ YẾN NHI	08/06/2009	9C	THCS Tây Thành	Sinh học 9	Khuyến khích
561.	NGUYỄN CÔNG GIÀU	02/03/2009	9A	THCS Tây Thành	Toán 9	Khuyến khích
562.	TRẦN THỊ BẢO CHÂU	18/11/2009	9A	THCS Tây Thành	Vật lý 9	Khuyến khích
563.	NGUYỄN THỊ HỒNG LÊ	26/07/2009	9C	THCS Thịnh Thành	Sinh học 9	Nhì
564.	PHẠM THỊ NHẬT ÁNH	05/09/2009	9C	THCS Thịnh Thành	Sinh học 9	Ba
565.	NGUYỄN THỊ THANH THÚY	28/05/2009	9C	THCS Thịnh Thành	Sinh học 9	Ba
566.	NGUYỄN ĐÌNH THIÊN NHÂN	10/04/2009	9C	THCS Thịnh Thành	Toán 9	Ba
567.	ĐÀO CÔNG NGHĨA	24/02/2009	9C	THCS Thịnh Thành	Tiếng Anh 9	Khuyến khích
568.	NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	02/05/2009	9C	THCS Thịnh Thành	Tiếng Anh 9	Khuyến khích
569.	NGUYỄN THỊ LÊ NA	14/08/2009	9C	THCS Thịnh Thành	Vật lý 9	Khuyến khích
570.	NGUYỄN TÚ UYÊN	05/12/2009	9A	THCS Văn Thành	Địa lý 9	Nhì
571.	LÊ THỊ KHÁNH NHƯ	12/08/2009	9A	THCS Văn Thành	Địa lý 9	Ba
572.	MAI THỊ NGÀN	26/03/2009	9A	THCS Văn Thành	Hóa học 9	Ba
573.	PHAN THỊ THU	25/02/2009	9A	THCS Văn Thành	Lịch sử 9	Ba
574.	NGUYỄN NGỌC HÀ	22/09/2009	9A	THCS Văn Thành	Ngữ văn 9	Ba
575.	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	24/03/2009	9A	THCS Văn Thành	Ngữ văn 9	Ba
576.	NGUYỄN DUY HÙNG	07/05/2009	9A	THCS Văn Thành	Sinh học 9	Ba
577.	LÊ THỊ BẢO NGỌC	08/06/2009	9A	THCS Văn Thành	Toán 9	Ba
578.	PHAN BÁ PHÚC	12/09/2009	9A	THCS Văn Thành	Vật lý 9	Ba
579.	NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	05/02/2009	9A	THCS Văn Thành	GDCD 9	Khuyến khích
580.	NGUYỄN HOÀNG HÙNG	22/10/2009	9A	THCS Văn Thành	Hóa học 9	Khuyến khích
581.	PHẠM PHAN QUỲNH NHƯ	04/02/2009	9A	THCS Văn Thành	Ngữ văn 9	Khuyến khích
582.	NGUYỄN THỊ VY	17/04/2009	9A	THCS Văn Thành	Tiếng Anh 9	Khuyến khích
583.	NGUYỄN VĂN TUẤN	21/11/2009	9A	THCS Văn Thành	Toán 9	Khuyến khích
584.	NGÔ TUẤN HUY	20/10/2009	9A	THCS Văn Thành	Vật lý 9	Khuyến khích
585.	NGUYỄN MINH HIẾU	21/09/2009	9A	THCS Viên Thành	GDCD 9	Nhì
586.	NGUYỄN XUÂN QUANG	20/01/2009	9A	THCS Viên Thành	Hóa học 9	Nhì
587.	NGUYỄN HÙNG ANH	12/09/2009	9A	THCS Viên Thành	Hóa học 9	Ba
588.	HOÀNG VIỆT GIA BẢO	24/01/2009	9A	THCS Viên Thành	Sinh học 9	Ba
589.	NGUYỄN HÙNG ANH	12/09/2009	9A	THCS Viên Thành	Toán 9	Ba

TT	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Môn thi	Giải
590.	BÙI THỊ HẢO	05/01/2009	9A	THCS Viên Thành	GDCD 9	Khuyến khích
591.	BÙI THỊ PHƯƠNG TRANG	25/10/2009	9A	THCS Viên Thành	Lịch sử 9	Khuyến khích
592.	NGUYỄN XUÂN QUANG	20/01/2009	9A	THCS Viên Thành	Toán 9	Khuyến khích
593.	BÙI CÔNG NGHĨA	20/01/2009	9B	THCS Viên Thành	Vật lý 9	Khuyến khích
594.	NGÔ THỊ NGỌC ÁNH	26/12/2009	9A	THCS Viên Thành	Vật lý 9	Khuyến khích
595.	TRẦN TUỒNG VY	07/12/2009	9A	THCS Vĩnh Thành	Sinh học 9	Nhì
596.	TRẦN THỊ KHÁNH VI	07/10/2009	9A	THCS Vĩnh Thành	Tiếng Anh 9	Nhì
597.	TRẦN THUY LINH	07/04/2009	9A	THCS Vĩnh Thành	Địa lý 9	Ba
598.	VŨ THÙY TIÊN	25/07/2009	9A	THCS Vĩnh Thành	Địa lý 9	Ba
599.	VÕ NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	13/08/2009	9A	THCS Vĩnh Thành	Sinh học 9	Ba
600.	TRẦN MAI CHI	14/07/2009	9A	THCS Vĩnh Thành	Sinh học 9	Ba
601.	PHẠM BÌNH AN	01/05/2009	9A	THCS Vĩnh Thành	Tiếng Anh 9	Ba
602.	TRẦN THỊ CẨM TÚ	07/02/2009	9A	THCS Vĩnh Thành	Tiếng Anh 9	Ba
603.	NGUYỄN MINH THĂNG	19/03/2009	9A	THCS Vĩnh Thành	Vật lý 9	Ba
604.	HOÀNG THÁI HÙNG	19/07/2009	9A	THCS Vĩnh Thành	Địa lý 9	Khuyến khích
605.	TRẦN THỊ VY	09/05/2009	9A	THCS Vĩnh Thành	Ngữ văn 9	Khuyến khích
606.	TRẦN TUỒNG VY	07/12/2009	9A	THCS Vĩnh Thành	Toán 9	Khuyến khích
607.	PHẠM VĂN HÙNG	07/04/2009	9A	THCS Vĩnh Thành	Vật lý 9	Khuyến khích
608.	NGUYỄN LÊ NGỌC ANH	11/06/2009	9A	THCS Xuân Thành	Ngữ văn 9	Nhất
609.	NGUYỄN THỊ LINH	11/12/2009	9A	THCS Xuân Thành	Địa lý 9	Ba
610.	NGUYỄN LÊ BẢO HÀ	06/12/2009	9A	THCS Xuân Thành	Ngữ văn 9	Ba
611.	NGUYỄN LÊ BẢO HÀ	06/12/2009	9A	THCS Xuân Thành	Tiếng Anh 9	Ba
612.	THÁI THỊ LINH	01/10/2009	9A	THCS Xuân Thành	Địa lý 9	Khuyến khích
613.	NGUYỄN MAI LINH	09/01/2009	9A	THCS Xuân Thành	Địa lý 9	Khuyến khích
614.	THÁI HỮU DUẤN	29/01/2009	9A	THCS Xuân Thành	Hóa học 9	Khuyến khích
615.	THÁI THỊ THÀNH	19/06/2009	9A	THCS Xuân Thành	Ngữ văn 9	Khuyến khích
616.	THÁI THỊ PHƯƠNG LINH	20/12/2009	9A	THCS Xuân Thành	Toán 9	Khuyến khích

Danh sách có 616 học sinh./.

Ghi chú: Các đơn vị rà soát, kiểm tra lại, nếu có sai lệch thông tin như họ tên, ngày sinh, lớp...thì báo lại đ/c Hiếu trước 30/12/2023 qua email hieupx.yt@nghean.edu.vn để điều chỉnh chính xác khi ra QĐ và in giấy chứng nhận